

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 169/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2019.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Xuân Tiên

2. Ông Trương Văn Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thành – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 123/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn V, sinh năm: 1981

- Bị đơn: Chị Lê Thị Thu N, sinh năm: 1984

Cùng trú tại: Tổ 16, thôn 2, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp: Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Tấn V có ông Phan Bá H, sinh năm: 1993

Trú tại: Số 29, đường TNV, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

(Anh V có mặt, ông H có đơn xin vắng mặt, chị N vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Tấn V trình bày:

Anh và chị Lê Thị Thu N tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T vào năm 2007. Sau khi cưới nhau vợ chồng chị sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết. Vào tháng 5/2009 thì chị N bỏ nhà đi

không rõ tung tích. Anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố chị N mất tích. Tòa án nhân dân huyện T đã giải quyết việc dân sự: “Tuyên bố một người mất tích” đối với chị Lê Thị Thu N theo Quyết định số: 04/2019/QĐST-vDS ngày 12/8/2019. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, cuộc sống hôn nhân không đạt được anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Anh V khai vợ chồng anh và chị N có 01 con chung tên là Nguyễn Hữu N1, sinh ngày: 25/4/2008. Nguyên vọng của anh xin được nuôi con và không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh V khai vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Anh V khai vợ chồng không nợ ai.

* Luận cứ bảo vệ của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh V đã gửi cho Tòa án như sau: Xét thấy hiện nay chị N đã bỏ nhà đi từ rất lâu. Tòa án cũng đã công nhận chị N mất tích. Ông H yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Tấn V được ly hôn với chị Lê Thị Thu N và giao cháu N1 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Lê Thị Thu N đã được Tòa án nhân dân huyện T đã giải quyết việc dân sự: “Tuyên bố một người mất tích” theo Quyết định số: 04/2019/QĐST-vDS ngày 12/8/2019. Chị N không có bản tự khai, không có lời trình bày tại biên bản hòa giải. Tòa án đã tiến hành niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Vì chị N đã được tuyên bố mất tích nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu N1 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có nguyên đơn, bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị N vắng mặt tại phiên Tòa nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần hai. Ông Phan Bá H bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Tấn V có đơn xin vắng mặt và có luận cứ bảo vệ gửi cho Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét

xử vắng mặt bị đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Tấn V và chị Lê Thị Thu N là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 38, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày ngày 25/7/2007. Sau khi kết hôn, theo anh V khai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị không đồng quan điểm sống. Đến giữa năm 2009, chị N bỏ nhà ra đi không rõ tung tích. Anh V đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố chị N mất tích. Tòa án nhân dân huyện T đã giải quyết việc dân sự: “Tuyên bố một người mất tích” đối với chị Lê Thị Thu N theo Quyết định số: 04/2019/QĐST-vDS ngày 12/8/2019. Nay anh V yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị N. Xét thấy yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Tấn V là chính đáng nên chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Tấn V. Xử cho anh Nguyễn Tấn V được ly hôn với chị Lê Thị Thu N.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh V chị N có 01 con chung tên là: Nguyễn Hữu N1, sinh ngày: 25/4/2008. Anh V có nguyện vọng được nuôi con và hiện nay cháu N1 đang sinh sống với anh V. Chị N đã được tuyên bố mất tích. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo điều kiện và ổn định môi trường sống cho cháu N1. Chấp nhận yêu cầu của anh V giao cháu Nguyễn Hữu N1, sinh ngày: 25/4/2008 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Anh V khai không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Anh V khai không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Tấn V phải chịu số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Được tính trừ vào số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà anh V đã nộp theo biên lai thu số 0021216 ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Tấn V. Anh Nguyễn Tấn V được ly hôn với chị Lê Thị Thu N.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Nguyễn Hữu N1, sinh ngày: 25/4/2008 cho anh Nguyễn Tấn V trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung

3. Về tài sản chung: Anh V khai không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Anh V khai không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Tấn V phải chịu số tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà anh V đã nộp theo biên lai thu số 0021216 ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Anh V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- UBND xã B;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Đặng Phùng Thành